

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2024

CTCP Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội

Ngày 31/12/2024	10,900 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-6.1%	7.8%	5.8%

DT thuần Q4/24	5.04
tỷ VNĐ	QoQ: ▼26.1 -83.8%
	YoY: ▲ 0.67 15.4%

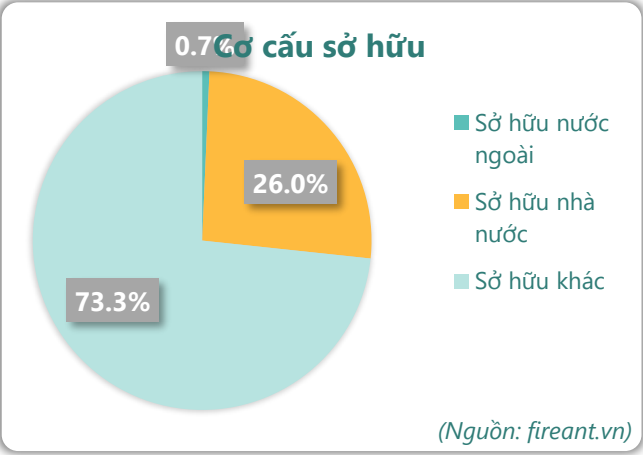
LN thuần Q4/24	6.59
tỷ VNĐ	QoQ: ▲ 1.26 23.7%
	YoY: ▲ 1.09 19.8%

LN sau thuế Q4/24	6.60
tỷ VNĐ	QoQ: ▲ 2.14 47.9%
	YoY: ▲ 1.84 38.6%

Tỷ suất lãi EBIT 2024	29.0%
	YoY: +/-▲ 8.9%

ROE 2024	10.1%
	YoY: +/-▲ 3.5%

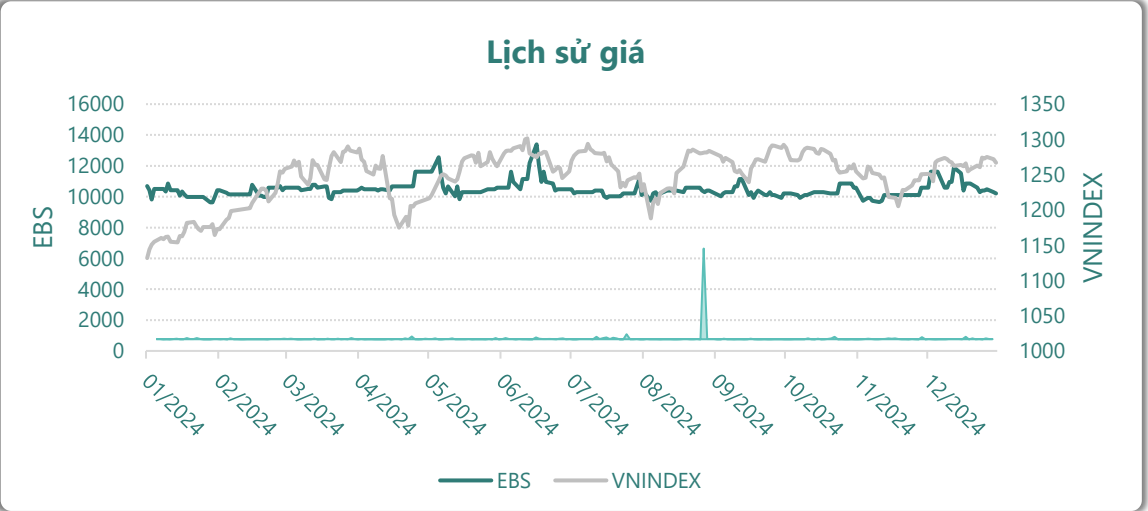
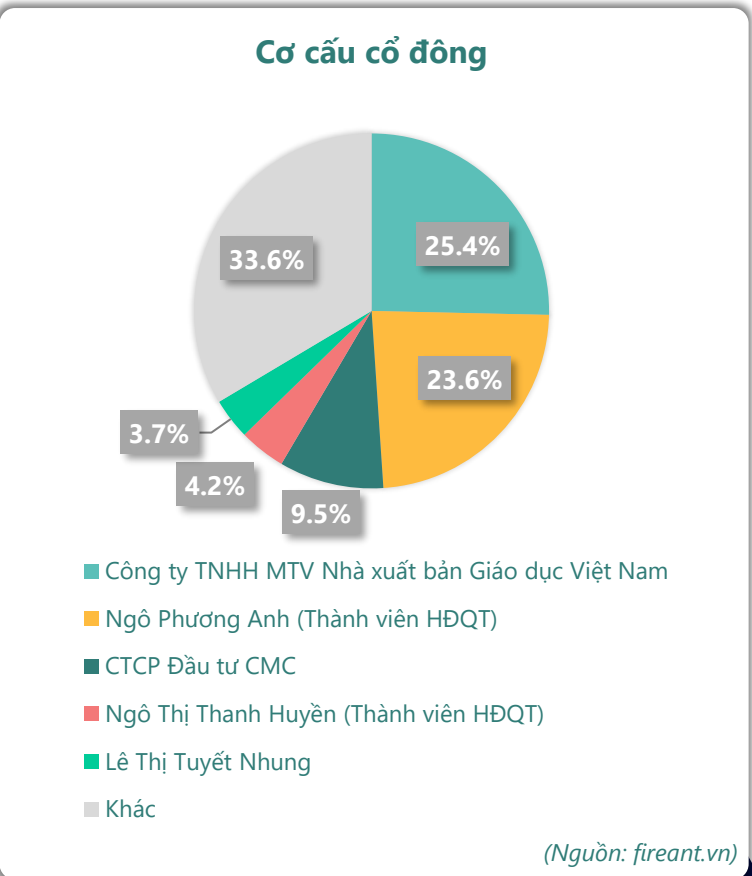
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	9,632 - 13,392
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	109
Số lượng CPLH (CP)	9,965,584
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,880
Sở hữu nước ngoài	0.7%
Beta	1.03
EPS	1,554
P/E	7.0



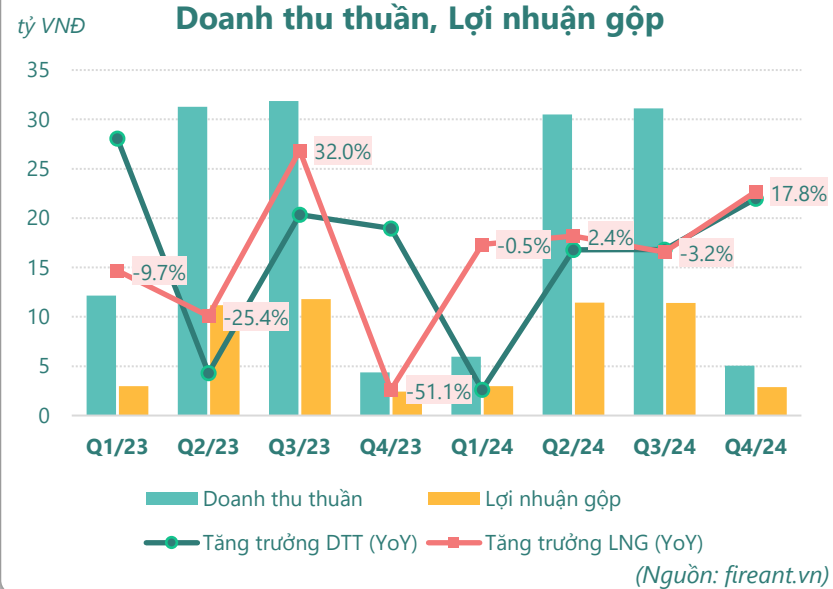
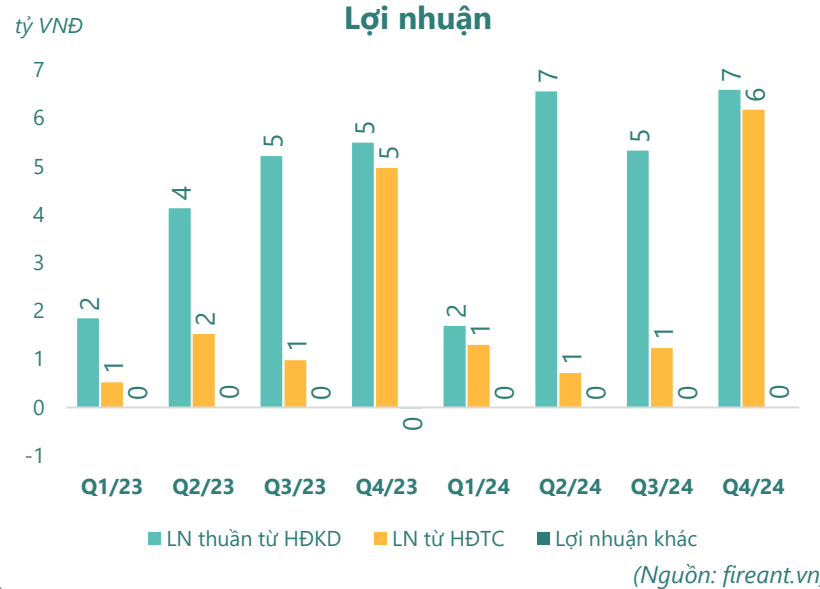
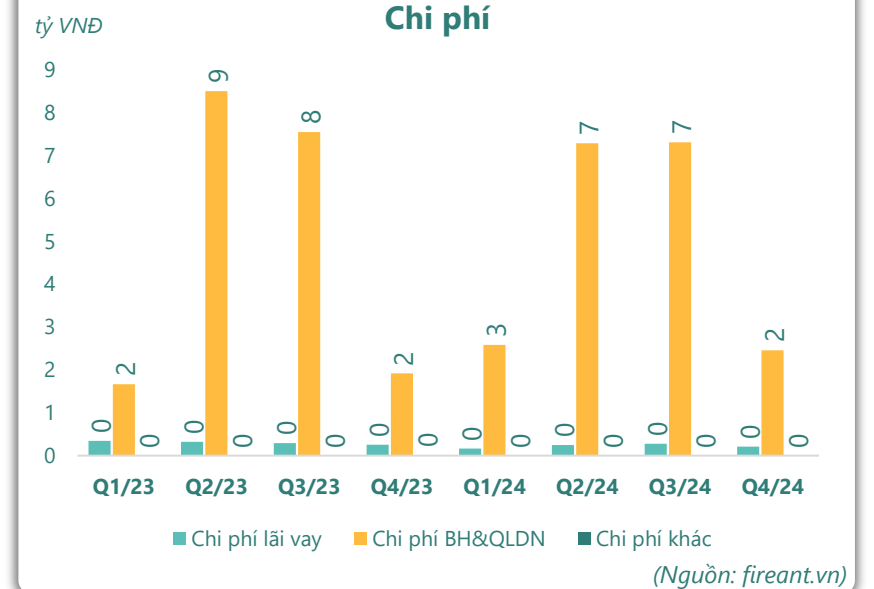
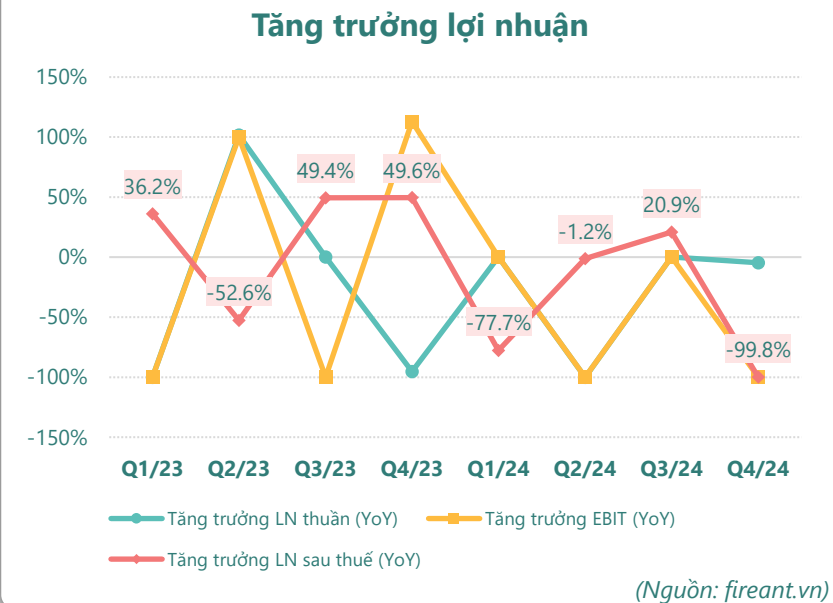
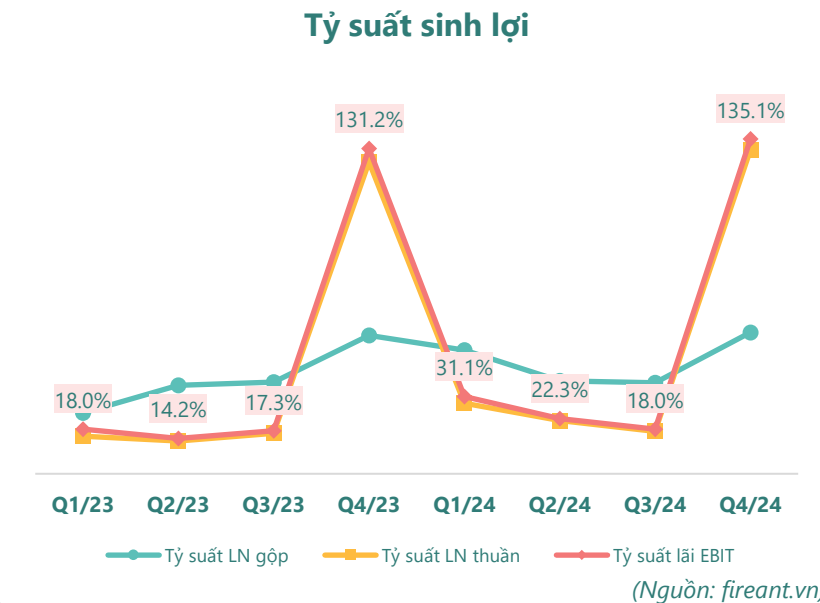
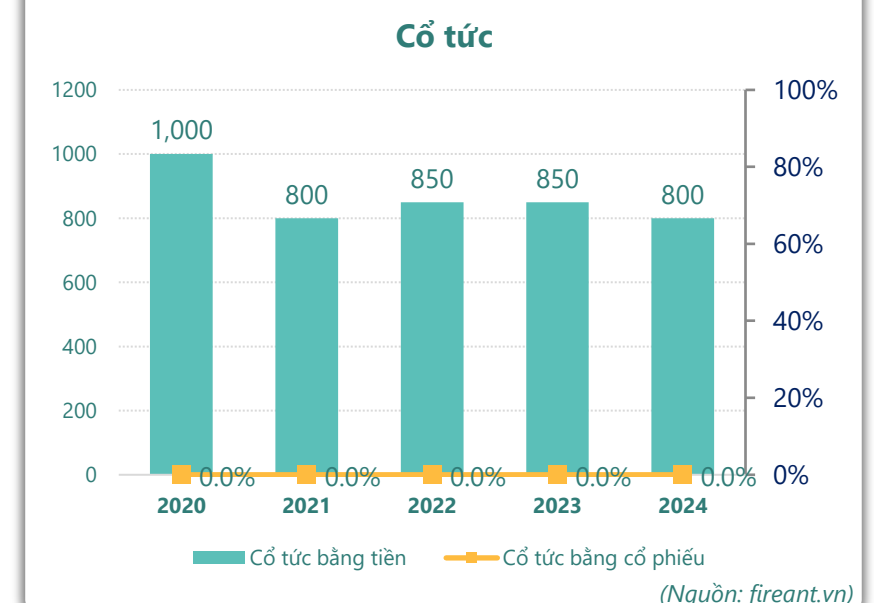
DT thuần 2024	72.6
tỷ VNĐ	YoY: ▼7.10 -8.9%

LN thuần 2024	20.2
tỷ VNĐ	YoY: ▲ 5.40 36.1%

LN sau thuế 2024	18.8
tỷ VNĐ	YoY: ▲ 5.70 43.5%



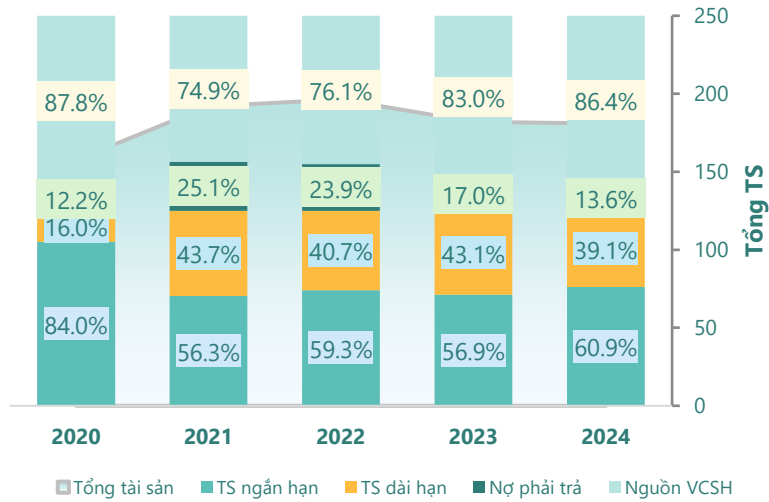
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

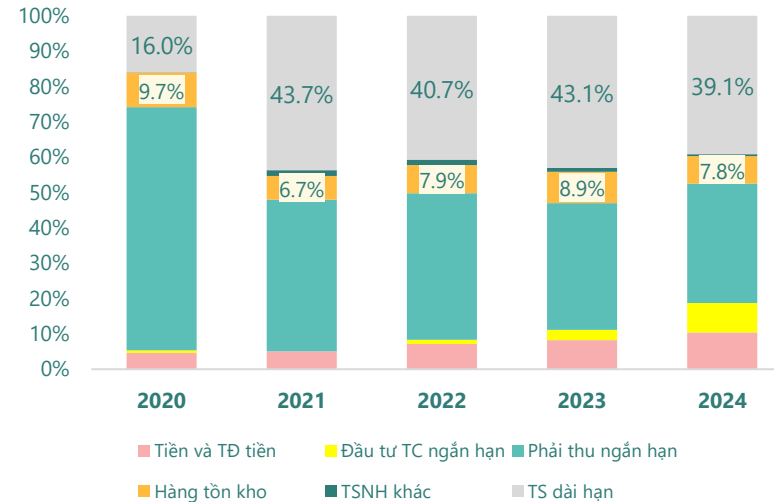
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

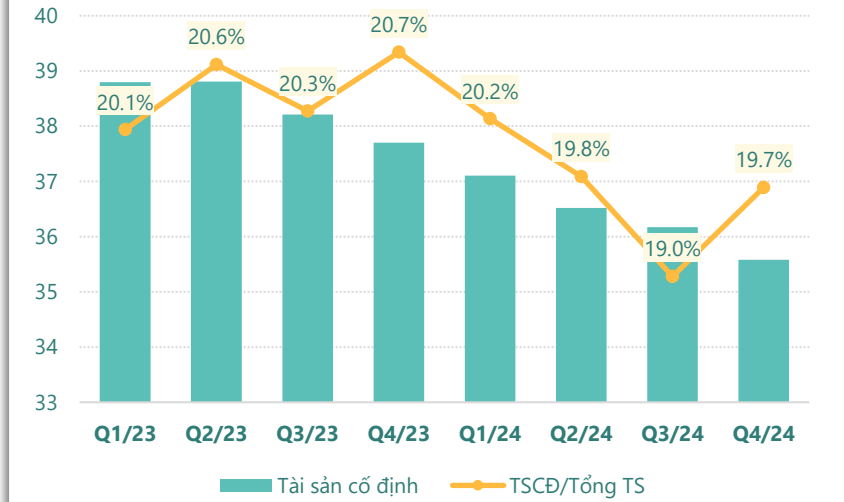
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

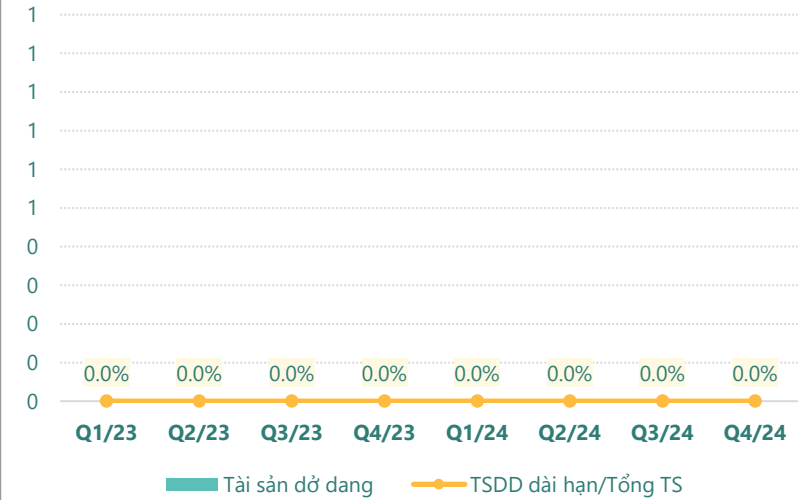
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

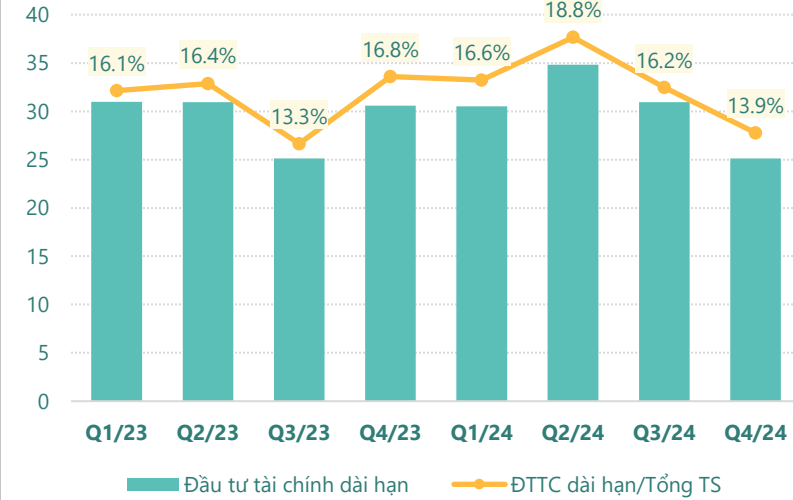
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

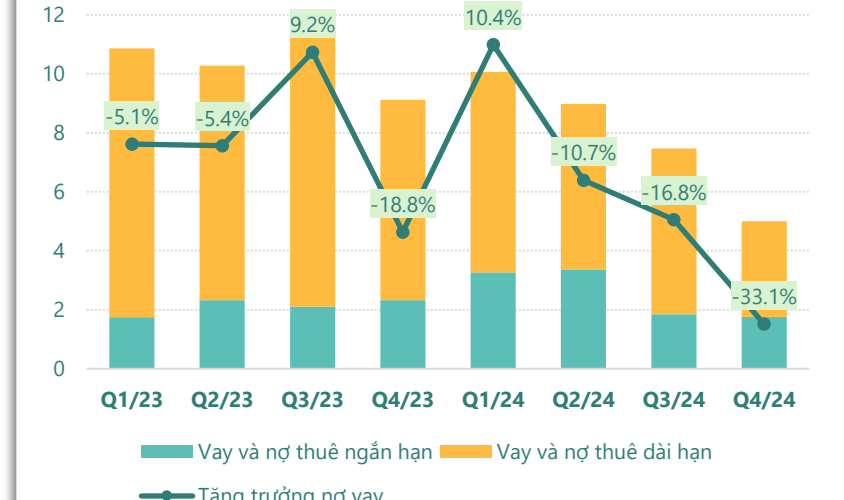
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

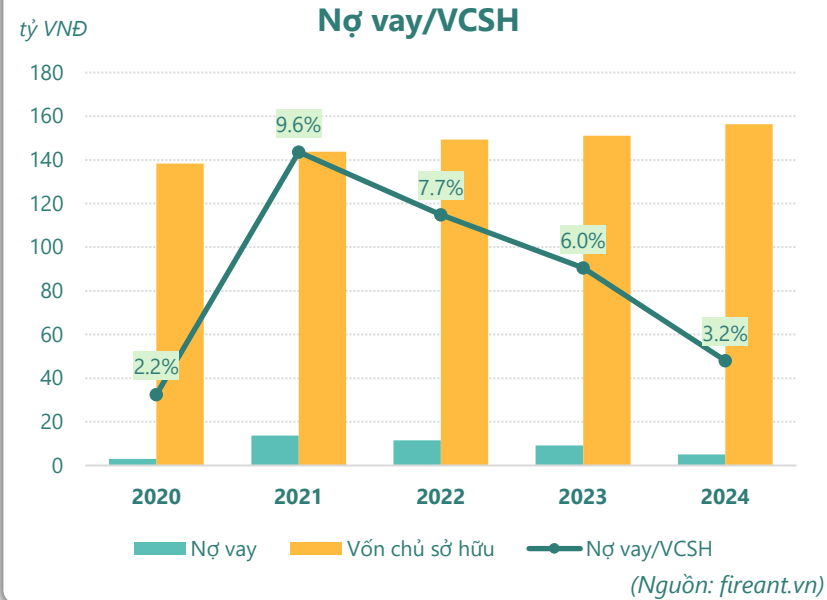
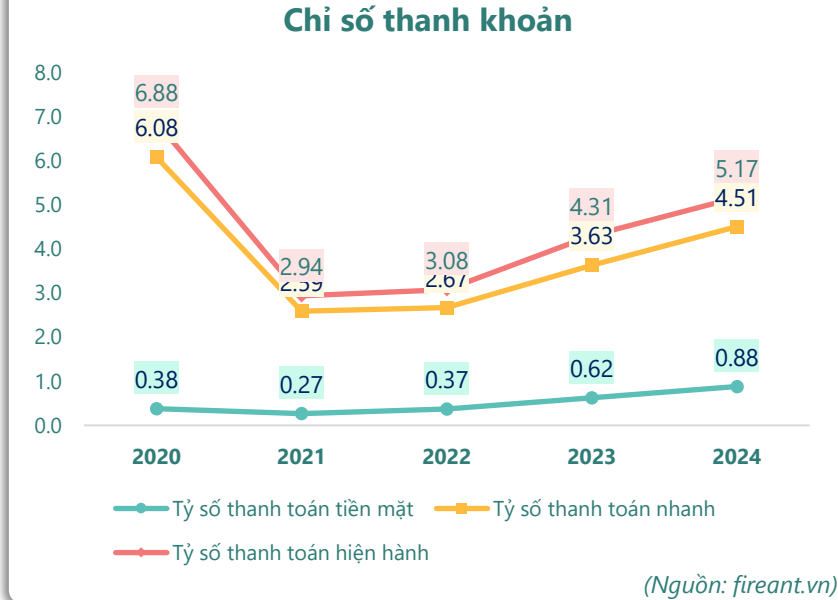
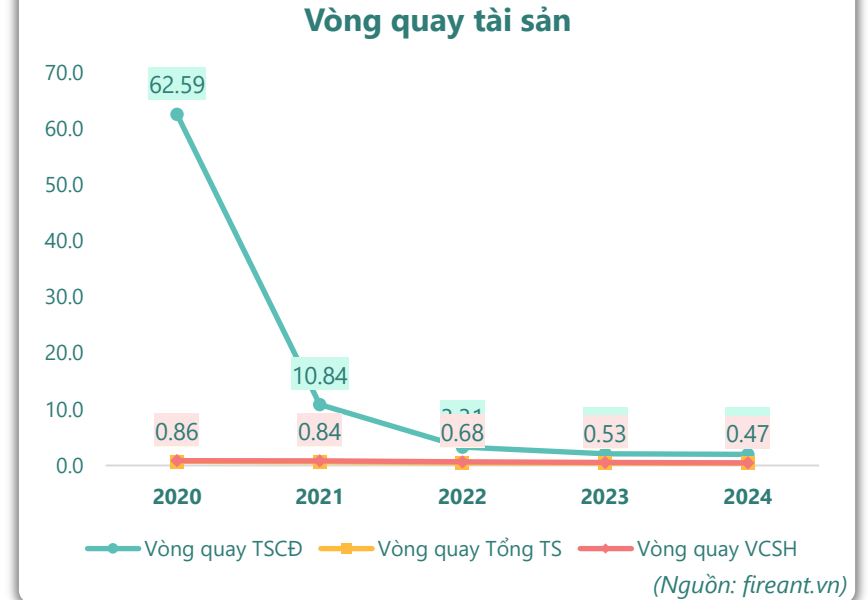
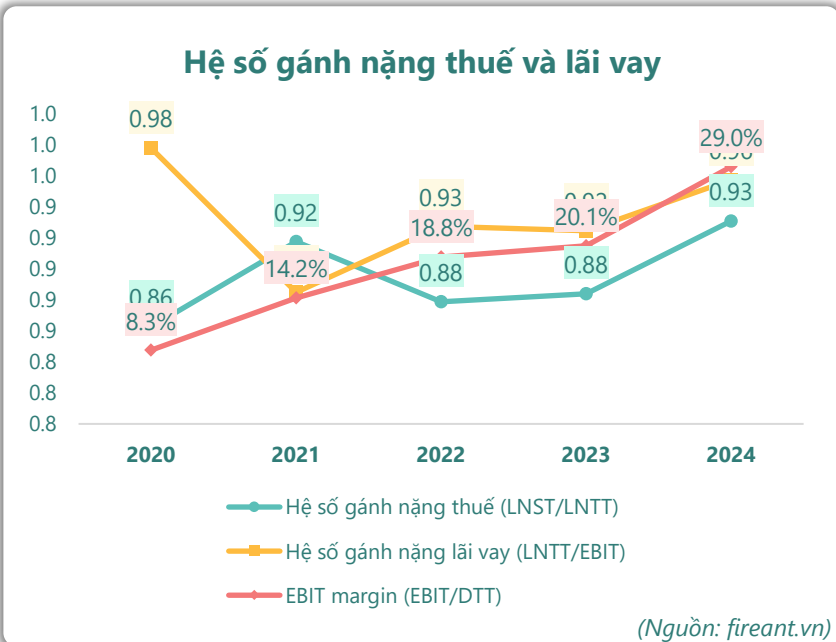
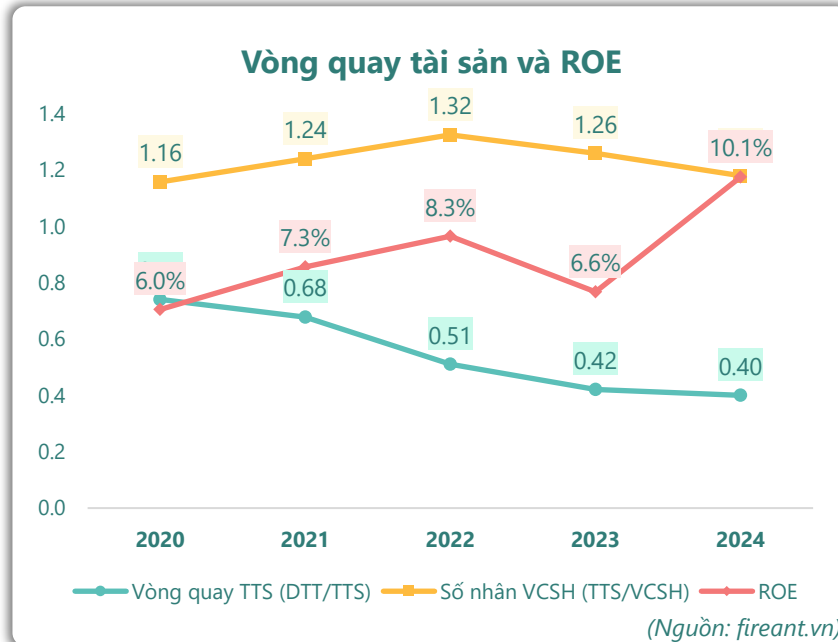
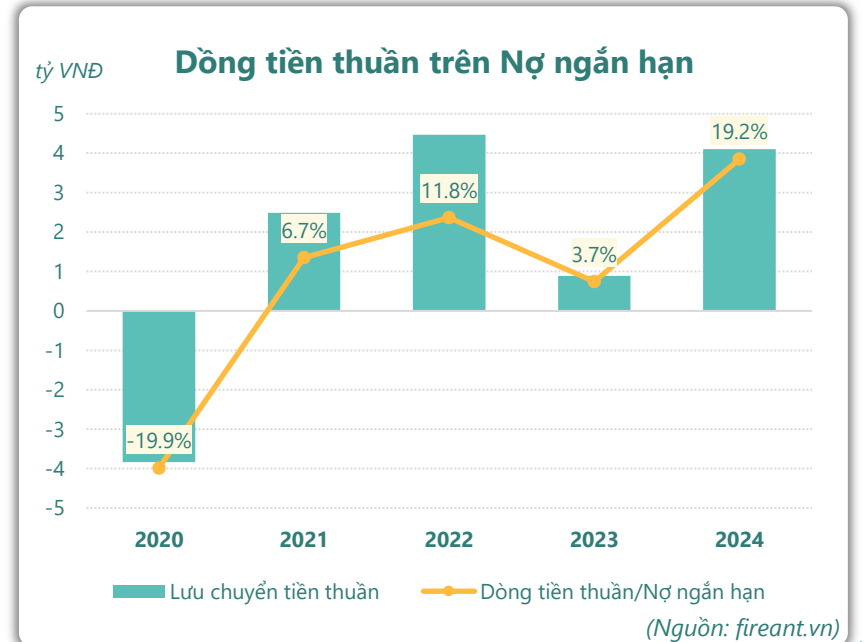
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	5.04	4.37	15.4%	72.6	79.7	-8.9%
Giá vốn hàng bán	2.17	1.93	12.2%	43.9	51.3	-14.4%
Lợi nhuận gộp	2.88	2.44	17.8%	28.7	28.4	1.1%
Doanh thu HĐTC	6.15	5.31	15.9%	10.3	7.85	31.1%
Chi phí TC	-0.02	0.34	-107%	0.88	1.30	-32.8%
Chi phí lãi vay	0.21	0.26	-18.2%	0.90	1.21	-25.7%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		1.69	-0.48	452%
Chi phí bán hàng	2.11	2.35	-10.0%	13.5	13.0	3.7%
Chi phí QLDN	0.35	-0.43	181%	6.12	6.61	-7.4%
LN thuần từ HĐKD	6.59	5.50	19.8%	20.2	14.8	36.1%
Lợi nhuận khác	0.00	-0.01	145%	0.00	-0.01	136%
LN trước thuế	6.60	5.48	20.4%	20.2	14.8	36.3%
Lợi nhuận sau thuế	6.60	4.76	38.6%	18.8	13.1	43.5%
LNST của CĐ cty mẹ	6.60	4.76	38.6%	15.5	9.88	56.7%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-2.49	10.7	-6.39	-2.81	6.32	1.50
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	4.98	-3.92	3.40	3.16	4.84	5.18
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-1.41	-0.62	-0.58	-9.86	-0.20	-0.46
Tiền đầu kỳ	8.74	9.83	15.0	11.4	1.88	13.0
Lưu chuyển tiền thuần	1.08	6.15	-3.58	-9.50	11.0	6.22
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	9.83	15.0	11.4	1.88	13.0	19.1

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	181	182	-0.5%
Tài sản ngắn hạn	110	104	6.4%
Tiền và tương đương tiền	18.8	15.0	25.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	15.1	5.34	183%
Phải thu ngắn hạn	61.1	65.1	-6.2%
Hàng tồn kho	14.1	16.2	-13.2%
Tài sản ngắn hạn khác	1.11	1.90	-41.9%
Tài sản dài hạn	70.8	78.4	-9.7%
Phải thu dài hạn	0.06	0.06	0.0%
Tài sản cố định	35.6	37.7	-5.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	25.1	30.5	-17.6%
Tài sản dài hạn khác	10.0	10.1	-1.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	24.6	30.9	-20.3%
Nợ ngắn hạn	21.3	24.0	-11.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1.76	2.33	-24.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	7.12	8.59	-17.1%
Nợ dài hạn	3.29	6.83	-51.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	3.24	6.78	-52.2%
Nguồn vốn chủ sở hữu	156	151	3.5%
Vốn chủ sở hữu	156	151	3.5%
Vốn điều lệ	102	102	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

